

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà La Thị Thu Nga

2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2021/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố PL, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Khu phố PL, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-3-2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Văn T tại Ủy ban nhân dân thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 23-02-2011 (giấy đăng ký số 24). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai mai mối, ép buộc. Sau

khi kết hôn bà Th và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ đầu năm 2021 đến nay ông T phạm tội và hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nay bà Th xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà Th và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 20/5/2012. Hiện đang ở với bà Th. Nếu ly hôn, bà Th có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 20-12-2021 và bản khai ngày 09-02-2022 bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà Th đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Sau khi kết hôn ông T và bà Th chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T có hành vi dâm ô với con gái riêng của bà Th là cháu Nhi, sau đó bà Th và mẹ đẻ của bà Th đề nghị ông T chuyển hết tài sản chung của bà Th với ông T cho bà Th đứng tên thì bà Th sẽ không tố cáo việc làm sai trái của ông T. Sau đó vợ chồng chung sống với nhau như trước, cho đến trước lúc ông T bị bắt thì bà Th có mối quan hệ với người đàn ông khác và bị ông T bắt được nên giữa ông T và bà Th xảy ra cãi vã. Đến ngày 21/3/2021 thì ông T bị bắt và hiện đang tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý.

Về nuôi con chung: Ông T và bà Th có 01 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 20/5/2012. Ông T đồng ý để bà Th nuôi dưỡng con chung và ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại bản khai ngày 20-12-2021 ông T khai ông và bà Th có tài sản chung gồm: 01 (một) lô đất tái định cư 5x20m đứng tên bà Th và ông T; 01 (một) chiếc xe Ford Fiesta mua cuối năm 2020 đời 2018 xe 5 chỗ đứng tên bà Th; 01 (một) tiệm điện tử trị giá khoảng 150.000.000 đồng; 01 (một) xe máy hiệu PCX đời 2014; 01 (một) xe máy hiệu SH mode đời 2020; tiền em vợ mượn khoảng 250.000.000đ; đồ đạc, bàn ghế máy giặt trong nhà khoảng 100.000.000đ.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Ông yêu cầu Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại bản khai ngày 09-02-2022 về phần tài sản chung và nợ chung ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Th và ông T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Th yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Nguyễn Văn T nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn ông T cư trú tại địa bàn huyện XM nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà Th, ông T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà Th và ông T đăng ký hôn vào ngày 23-02-2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống từ năm 2018 do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T có hành vi phạm pháp luật đối với con riêng của bà Th. Nay bà Th yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Th và ông T xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018 nguyên nhân do ông T có hành vi vi phạm pháp luật đối với con riêng của bà Th và bị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 18 (mười tám) năm tù tại bản án số 53/2021/HS-ST ngày 12/10/2021, hiện ông T đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, như vậy mâu thuẫn giữa bà Th và ông T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông T.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà Th và ông T có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 20/5/2012. Sau khi ly hôn bà Th có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng, tại bản khai gửi Tòa án thì ông T cũng đồng ý để bà Th nuôi con và ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Th có nơi ở, công việc ổn định, cháu Trang có nguyện vọng ở với bà Th, hơn nữa hiện nay ông T đang bị tạm giam và phải chấp

hành án trong một thời gian dài. Do đó áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh Tr cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về chia tài sản*: Bà Th và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho bà Nguyễn Thị Th ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Nguyễn Thị Quỳnh Tr, sinh ngày 20/5/2012 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trang thành niên (đủ 18 tuổi). Bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Th đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0010600 ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà Th đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thành